|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số:............../NQ-HĐND | *..., ngày ....... tháng ... ......năm 2022* |

*DỰ THẢO*

**NGHỊ QUYẾT**

**về “Chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN;*

*Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 08 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2025;*

*Căn cứ Quyết đinh số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Căn cứ Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 08 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Ban hành chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030”*

*Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về “Sửa đổi một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050”;*

*Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số...... ngày.... ..tháng........năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ………………........; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

 **Điều 1: Chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:**

1. **Mục tiêu tổng thể**

 Xây dựng chương trình ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra chuyển biến đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh của hàng hóa; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

1. **Mục tiêu cụ thể**

 a) Giai đoạn 2021-2025: Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ và cải tiến công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sạch, thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội; phát triển doanh nghiệp trở thành trung tâm của đổi mới sáng tạo, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa. Đến năm 2025, tỷ lệ đóng góp của các yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt mức 44-45% trong tăng trưởng GRDP của tỉnh; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm 10-11%.

 b) Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục phát triển năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hình thành được năng lực và tạo ra những công nghệ mới, nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa có giá trị cao tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Chỉ tiêu yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt mức trên trung bình của cả nước; hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự làm nền tảng và động lực cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh.

 **3. Các chương trình ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo:**

***a) Chương trình nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo***

 *- Mục tiêu chương trình:* Tập trung kiện toàn và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh; Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ hiện đại, thông minh, tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.

*- Chỉ tiêu:* Số nhân lực khoa học và công nghệ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 15 người/1vạn dân; 150 doanh nghiệp trong tỉnh được hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; hỗ trợ 15% doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ tiến hành đổi mới công nghệ trong một năm; 2-3 doanh nghiệp làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm.

*- Nội dung:*

+ Kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ và dịch vụ kỹ thuật; đầu tư phát triển Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở ươm tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, các cơ sở đo lường, kiểm định chất lượng của tỉnh;

+ Tổ chức đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh có trình độ tiên tiến, hiện đại đại về công nghệ cao, công nghệ số; hỗ trợ đào tạo nhân lực quản trị công nghệ và đội ngũ kỹ thuật viên của doanh nghiệp;

+ Tiến hành các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; sản xuất sản phẩm mới và đổi mới quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước và nước ngoài.

+ Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;

***b) Chương trình ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh***

*- Mục tiêu chương trình:* Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh trên cơ sở lựa chọn một số sản phẩm nông nghiệp đặc thù, có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh để tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ phát triển thành các sản phẩm chủ lực; hỗ trợ xây dựng các vùng, cánh đồng lớn ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất hữu cơ gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh nhân rộng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi.

*- Chỉ tiêu:* 100% sản phẩm, kết quả của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đều được áp dụng, ứng dụng vào thực tiễn, đời sống.

*- Nội dung:*

+ Tập trung nghiên cứuứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các loại giống cây trồng vật nuôi có năng suất chất lượng cao, ổn định, giá trị gia tăng cao phù hợp điều kiện của tỉnh; phòng trừ các loại sâu,bệnh trên cây, con, nhất là tôm giống; phân loại đất, cải tạo đất làm cơ sở cho sản xuất nông nghiệp thích hợp; chế biến, bảo quản sau thu hoạch, vận chuyển, cung ứng các sản phẩm nông lâm thủy sản đặc thù, thế mạnh của tỉnh;

+ Nghiên cứu, ứng dụng quy trình, kỹ thuật canh tác, cơ khí hóa, tự động hóa tưới tiêu, làm đất, bón phân; nhà kính, nhà lưới; sản xuất nông lâm thủy sản kết hợp với du lịch sinh thái, xử lý môi trường, chất thải;

 + Tổ chức lại các cơ sở sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và quản lý, nhất là các cơ sở sản xuất tôm giống; xúc tiến xây dựng, quảng bá thương hiệu.

**c) Chương trình ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh****; ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.**

*- Mục tiêu chương trình:* Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng có hiệu quả thành tựu của cuộc cách  mạng công nghiệp 4.0; ứng dụng, chuyển giao các công nghệ cao trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh: công nghiệp năng lượng (điện gió, điện mặt trời, điện khí, thủy điện tích năng); cảng biển, đóng tàu; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản-vật liệu xây dựng,… ứng dụng công nghệ số trong quản trị du lịch và nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

 *- Chỉ tiêu:* 100% kết quả của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ được áp dụng, ứng dụng trong thực tiễn đời sống; đảm bảo các dự án chuyển giao công nghệ có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường.

*- Nội dung:*

+ Tăng cường năng lực đánh giá, thẩm định, lựa chọn các công nghệ hiện đại, công nghệ tiên tiến nhằm đảm bảo công nghệ được lựa chọn phù hợp với điều kiện phát triển của Ninh Thuận; nghiên cứu chế biến sâu trong lĩnh vực nông lâm thủy sản nhằm khai thác thế mạnh về sản xuất các sản phẩm đặc thù phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu (sản phẩm từ nho); nghiên cứu, thăm dò, khảo sát, đánh giá tiềm năng, nâng cao hiệu quả khai thác gắn với chế biến sâu các tài nguyên khoáng sản biến, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao; hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là sản phẩm công nghiệp chế biến; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển các sản phẩm ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống có giá trị cao và gắn với phát triển du lịch;

+ Tiến hành các nghiên cứu liên ngành (nông nghiệp, văn hóa, công nghiệp,…) để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng tỉnh Ninh Thuận; ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động du lịch thông minh, xúc tiến, quảng bá, quản lý khách du lịch; khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch mới lạ, sản phẩn du lịch bổ trợ mang nét đặc trưng riêng của tỉnh Ninh Thuận;

+ Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại trong công tác quản lý bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cải tiến, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, sản xuất sản phẩm mới theo hướng giảm phát thải ô nhiễm, thân thiện với môi trường; nghiên cứu, điều tra đánh giá về nguồn lợi, hệ sinh thái; phục hồi, bảo vệ đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa; các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm phát triển bền vững; triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tài nguyên và môi trường; phát triển các mô hình sản xuất ít phát thải khí nhà kính.

**d) Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng**

*- Mục tiêu chương trình:* Đẩy mạnh các nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nhằm phục vụ cho việc hoạch định các chính sách và công tác quản lý phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu y học tiên tiến trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

*- Chỉ tiêu:*100% các đề tài, dự án, đề án sau khi kết thúc đều được ứng dụng.

*- Nội dung:*

+ Nghiên cứu các vấn đề về chuyển đổi mô hình kinh tế, mô hình nông thôn mới, các cơ chế chính sách quản lý phát triển kinh tế - xã hội (xóa đói, giảm nghèo; đào tạo nghề; giải quyết việc làm,…), xây dựng hệ thống chính trị; phục hồi, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc có nguy cơ thất truyền; nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn các vấn đề về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng gia đình văn hóa mới; ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến, lưu giữ các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật nhằm mở rộng khả năng tiếp cận, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng.

+ Nghiên cứu, ứng dụng một số bài thuốc y học dân tộc, thực phẩm chức năng; công nghệ mới chữa bệnh cho nhân dân và phục vụ cho du lịch chữa bệnh; nghiên cứu bảo tồn, phát triển các loại cây dược liệu tiềm năng trên địa bàn tỉnh hướng đến mục tiêu làm nguyên liệu sản xuất thuốc.

**đ) Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thương mại**

*- Mục tiêu chương trình:* Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh (GRDP).

*- Chỉ tiêu:* 30% doanh nghiệp được tập huấn, phổ biến kiến thức về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Số doanh nghiệp được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng, hàng hóa hàng năm tăng từ 10-15%.

*- Nội dung****:***

+ Tăng cường công tác thông tin, truyền thông phổ biến về hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản; áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực và tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới;

+ Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P); thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; chứng nhận sản phẩm hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý án toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng; an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế;

+ Đào tạo nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng (chuyên gia về năng suất và chất lượng; năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu… ).

**e) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ các sản phẩm hàng hóa, thương hiệu**

*- Mục tiêu chương trình:* Phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường đổi mới sáng tạo, tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ mạnh thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

*- Chỉ tiêu:* Số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích mới: 8-10 đơn; đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp mới: 13-15 đơn; đơn đăng ký nhãn hiệu: Tăng trung bình 13-15%/năm. Tối thiểu 40% sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP của tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu thông thường; hỗ trợ bảo vệ, khai thác, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP: 12 đối tượng; tuyên truyền, tập huấn về sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ cho tối thiểu 1.000 lượt người tham gia.

*- Nội dung:*

+ Hướng dẫn doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã tạo dựng và khai thác hiệu
quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng cho các sản phẩm đặc thù; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ (sản phẩm đặc thù, chủ lực, OCOP; tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo,…).

+ Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản phẩm, dịch vụ có mức độ sử dụng tài sản trí tuệ cao, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có uy tín và chất lượng, thúc đẩy sản xuất hàng hóa có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao; sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; khai thác, phân tích thông tin sáng chế phục vụ cho việc lựa chọn công nghệ phù hợp; tham gia mạng lưới chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ với các viện nghiên cứu, trường đại học trên cả nước nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ; khuyến khích sử dụng các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

+ Hỗ trợ bảo vệ, khai thác tài sản trí tuệ, đặc biệt là đối với các sản phẩm đặc thù và sản phẩm tiềm năng hướng đến sản phẩm đặc thù của tỉnh; hỗ trợ kết nối cung cầu, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm quảng bá, tìm kiếm và mở rộng thị trường.

+ Tăng cường quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm đã đượcchứng nhận OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ; thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ.

**g) Chương trình phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

*- Mục tiêu chương trình:*Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại tỉnh Ninh Thuận.

*- Chỉ tiêu:* Hỗ trợ hình thành 03 câu lạc bộ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai 03 khóa đào tạo 100 người khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các nhà đầu tư khởi nghiệp tiềm năng; hỗ trợ phát triển 05 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ phát triển 03 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nhận 2-3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

*- Nội dung:*

+ Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; kiện toàn Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh với chức năng tư vấn thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quản trị tài sản trí tuệ; cung cấp dịch vụ ươm tạo công nghệ; cung cấp dịch vụ hỗ trợ các bên xác định giá trị của kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; nâng cao năng lực về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các thành phần trong hệ sinh thái; cung cấp dịch vụ hỗ trợ quản trị sản xuất - kinh doanh cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

+ Tạo điều kiện, hỗ trợ các cá nhân, nhóm cá nhân có năng lực khoa học và công nghệ hoặc có khả năng khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới xúc tiến triển khai các đề án khởi lập doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; duy trì, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; kết nối, giới thiệu các nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, doanh nghiệp qua đó để tìm kiếm cơ hội thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính từ các quỹ, các nhà đầu tư cho các nhà khởi nghiệp; tổ chức đào tạo, tập huấn và thúc đẩy kết nối doanh nghiệp.

+ Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong khai thác quyền sở hữu trí tuệ, rút ngắn quá trình thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp về ưu đãi tín dụng cho nghiên cứu và phát triển và sản xuất kinh doanh; giao tài sản là kết quả khoa học và công nghệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ.

**h) Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

*- Mục tiêu chương trình:*Nâng cao giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng nâng cao tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ; thúc đẩy phát triển năng lực công nghệ bên cung và bên cầu; đẩy mạnh hoạt động giao dịch, môi giới, trung gian công nghệ.

*- Chỉ tiêu:* Giá trị giao dịch hàng hoá khoa học và công nghệ hàng năm tăng bình quân 25%, trong đó tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt ít nhất 15%; hỗ trợ 100% các doanh nghiệp có nhu cầu tìm kiếm công nghệ, kết nối với đối tác trong nước và ngoài ngoài hoặc tham gia sàn giao dịch, hội chợ quốc gia; 100% kết quả khoa học và công nghệ các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ứng dụng, chuyển giao cho sản xuất - kinh doanh và đời sống xã hội.

*- Nội dung:*

+ Đánh giá nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp, triển khai nhanh các cơ chế, chính sách của nhà nước thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; chính sách thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh;

+ Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tìm kiếm, lựa chọn, tiếp nhận công nghệ; nhập khẩu, thu hút các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch từ các nước phát triển, trước hết trong một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu chủ lực; thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng, chuyển giao công nghệ; cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cao, nâng cao chất lượng và số lượng nguồn cung hàng hóa khoa học và công nghệ trên thị trường;

+ Hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp chủ lực, nông nghiệp công nghệ cao, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, dân tộc; đẩy mạnh tổ chức và tham gia các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; quảng bá thị trường khoa học công nghệ; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong và ngoài nước.

+ Phát triển Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của tỉnh thực hiện tốt chức năng hỗ trợ giao dịch, tìm kiếm kết nối cung-cầu công nghệ giữa các doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

**4. Giải pháp tổ chức thực hiện các Chương trình**

a) Huy động nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ:

- Xây dựng các chương trình hợp tác, liên kết với các đơn vị khoa học và công nghệ mạnh trong nước để thu hút để huy động tối đa nguồn lực tổng hợp của mạng lưới các tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngoài tỉnh và của trung ương tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh;

- Huy động nguồn chuyên gia, nhân lực khoa học và công nghệ và hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, trung tâm thực nghiệm, phòng thí nghiệm tại chỗ của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương và trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

- Thông qua các nhiệm vụ thuộc chương trình, huy động cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có, nguồn đầu tư phát triển công nghệ, sản xuất và lực lượng nhân lực trình độ cao tại các doanh nghiệp của tỉnh.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị khoa học và công nghệ được đầu tư mới theo các dự án đầu tư của các đơn vị thuộc tỉnh;

b) Hợp tác quốc tế, trong nước:

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực để hợp tác nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao công nghệ các công nghệ mới mà tỉnh và trong nước chưa có thông qua con đường viện trợ hoặc thương mại;

- Đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để tiếp thu công nghệ, sản xuất các phụ kiện phục vụ các hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp FDI, qua đó nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp trong tỉnh;

- Tiếp tục thúc đẩy hoạt động hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ giữa Ninh Thuận với các Tổ chức khoa học và công nghệ; các cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ thông qua ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp tác.

c) Xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù

- Tiếp tục triển khai các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023;

- Xây dựng đề án nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển đồng bộ, toàn diện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó cần đặc biệt lưu ý: Nghiên cứu các quy định của trung ương để xây dựng các cơ chế, định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện đặc thù theo thẩm quyền của tỉnh để áp dụng thuận lợi, hiệu quả cho quá trình triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giải pháp cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, đóng vai trò là lực lượng then chốt và nền tảng cho quá trình phát triển; xây dựng và ban hành kịp thời: Các cơ chế, chính sách để đặt hàng nghiên cứu, khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ; cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên, có tính đặc thù.

**5. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí để triển khai thực hiện chương trình là: **.......... triệu đồng**, trong đó:

- Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Trung ương: **.......... triệu đồng**, chủ yếu được hỗ trợ trực tiếp theo các nhiệm vụ, thông qua các Chương trình nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước, Chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, Chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Địa phương:**........** **triệu đồng** (0,5 -1,0% tổng chi thường xuyên của ngân sách tỉnh)

- Các nguồn kinh phí khác: **..............**, gồm: Vốn đối ứng từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các chương trình phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; các quỹ quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; vốn khuyến công, khuyến nông; các nguồn vốn viện trợ phi chính phủ và các nguồn vốn khác để đầu tư, tài trợ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

*(Chi tiết: Dự kiến chọn 1 trong 2 phương án kinh phí thực hiện kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai cụ thể hóa Nghị quyết bằng các đề án, kế hoạch, chương trình theo quy định pháp luật; hàng năm gắn báo cáo tình hình thực hiện trong báo cáo kinh tế-xã hội của tỉnh và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...và có hiệu lực từ ngày ... tháng … năm …

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Ban Công tác đại biểu - UBTVQH; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Khoa học và Công nghệ; - Bộ Tài chính; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; - UBND tỉnh; - Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI; - Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; - VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh; - Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;- Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh; - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  |